

UBND TỈNH HÀ GIANG  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SYT-NVD  
V/v tiếp nhận báo giá thuốc để triển khai  
đấu thầu mua sắm tập trung cấp địa  
phương tại tỉnh Hà Giang năm 2025-2027.

Hà Giang, ngày tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh dược.

Căn cứ công văn 727/UBND-VHXXH ngày 12/3/2025 của UBND tỉnh Hà Giang về việc tổ chức đấu thầu mua thuốc cho cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2025-2027.

Để có cơ sở phân tích, đánh giá thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu cung ứng trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2025 - 2027 (nhu cầu sử dụng cho 24 tháng), Sở Y tế tổ chức tiếp nhận báo giá để khảo sát thông tin từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh trên toàn quốc.

Sở Y tế tỉnh Hà Giang trân trọng đề nghị Quý doanh nghiệp xem xét, đối chiếu phạm vi kinh doanh, quy mô kinh doanh và cung cấp thông tin về giá thuốc để Sở Y tế căn cứ cập nhật về giá thuốc, tình hình cung ứng để xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Cụ thể:

1. Báo giá các mặt hàng thuốc mà Quý công ty có khả năng cung ứng bao gồm danh mục **123 mặt hàng** thuốc trong Phụ lục I (gửi kèm) và **các mặt hàng thuốc khác** phục vụ công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế. Thông tin các mặt hàng đề nghị cung cấp theo các mẫu tương ứng trong các Phụ lục II.a; Phụ lục II.b; Phụ lục II.c (gửi kèm).

2. Thời gian, địa điểm nhận báo giá: Giờ hành chính các ngày làm việc từ 7h30 ngày 14/03/2025 đến 17h30 ngày 24/03/2025 tại Sở Y tế tỉnh Hà Giang (đường 338 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang). Đồng thời, đề nghị gửi bản điện tử về địa chỉ hòm thư: [donvimuathuocsythg2025@gmail.com](mailto:donvimuathuocsythg2025@gmail.com).

- Đề nghị điền chính xác các nội dung theo biểu mẫu và hướng dẫn kèm theo.
- Bản cứng báo giá phải được người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký xác nhận và đóng dấu đủ từng trang của báo giá, bản điện tử và bản in phải trùng khớp.

Sở Y tế tỉnh Hà Giang trân trọng thông tin tới các cơ sở sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh dược trong và ngoài tỉnh được biết, phối hợp thực hiện.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- BGD Sở;
- Các cơ sở y tế trên địa bàn;
- Các phòng thuộc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, NVD.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Quốc Cứ**

**Phụ lục I****DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG  
MỜI BÁO GIÁ NĂM 2025-2027**

(Kèm theo công văn số: /SYT-NVD ngày tháng 3 năm 2025)

<b>STT</b>	<b>Tên hoạt chất</b>	<b>Nồng độ/ Hàm lượng</b>	<b>Đường dùng</b>	<b>Đơn vị tính</b>
1	Acarbose	50mg	Uống	Viên
2	Acetyl cystein	200mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
3	Aciclovir	800mg	Uống	Viên
4	Acid Tranexamic	10% x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
5	Acid Tranexamic	5% x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
6	Adrenalin	1mg/ml x 1ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
7	Albendazol	400mg	Uống	Viên
8	Albumin	20% x 50ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
9	Allopurinol	300mg	Uống	Viên
10	Alverin	40mg	Uống	Viên
11	Amikacin	500mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
12	Amiodaron	200mg	Uống	Viên
13	Amoxicillin + acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Uống	Gói
14	Amoxicilin	500mg	Uống	Viên
15	Amoxicilin	250mg	Uống	Viên
16	Ampicilin	1g	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
17	Amphotericin B	50mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
18	Atenolol	50mg	Uống	Viên
19	Azithromycin	500mg	Uống	Viên
20	Azithromycin	200mg/5ml	Uống	Chai/Lọ/Ống
21	Bromhexin	8mg	Uống	Viên
22	Bupivacain	0,5% x 4ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
23	Bupivacain	0,5% x 20ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
24	Captopril	25mg	Uống	Viên
25	Carbimazol	5mg	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
26	Carboplatin	150mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
27	Cefixim	200mg	Uống	Viên
28	Cefixim	100mg	Uống	Viên
29	Ciclosporin	25mg	Uống	Viên
30	Cimetidin	200mg	Uống	Viên
31	Cimetidin	400mg	Uống	Viên
32	Ciprofloxacin	2mg/ml x 100ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
33	Ciprofloxacin	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống
34	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên
35	Clindamycin	150mg/ml x 4ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
36	Clindamycin	150mg/ml x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
37	Clindamycin	300mg	Uống	Viên
38	Clindamycin	150mg	Uống	Viên
39	Clotrimazol	1%	Dùng ngoài	Tuýp
40	Diclofenac	50mg	Uống	Viên
41	Diclofenac	75mg	Uống	Viên
42	Dobutamin	250mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
43	Dopamin hydroclorid	40mg/ml x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
44	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên
45	Enalapril	5mg	Uống	Viên
46	Enalapril	10mg	Uống	Viên
47	Etoposid	100mg	Uống	Viên
48	Famotidin	40mg	Uống	Viên
49	Fenofibrat	300mg	Uống	Viên
50	Fenofibrat	100mg	Uống	Viên
51	Fluconazol	150mg	Uống	Viên
52	Fluconazol	2mg/ml x 100ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
53	Fluorouracil	50mg/ml x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
54	Fluorouracil	50mg/ml x 10ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
55	Furosemid	10mg/ml x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống

<b>STT</b>	<b>Tên hoạt chất</b>	<b>Nồng độ/ Hàm lượng</b>	<b>Đường dùng</b>	<b>Đơn vị tính</b>
56	Furosemid	40mg	Uống	Viên
57	Gentamicin	40mg/ml x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
58	Glibenclamid	5mg	Uống	Viên
59	Gliclazid	30mg	Uống	Viên
60	Gliclazid	80mg	Uống	Viên
61	Heparin natri	25.000IU	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
62	Hydrocortison	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
63	Hyoscin butylbromid	20mg/ml x 1ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
64	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên
65	Ibuprofen	400mg	Uống	Viên
66	Ibuprofen	200mg	Uống	Viên
67	Isosorbid	60mg	Uống	Viên
68	Ketoconazol	2% x 5g	Dùng ngoài	Tuýp
69	Ketoconazol	2% x 10g	Dùng ngoài	Tuýp
70	Lactulose	10g/15ml	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi
71	Levofloxacin	250mg	Uống	Viên
72	Lidocain	2% x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
73	Lidocain	2% x 10ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
74	Loperamid	2mg	Uống	Viên
75	Loratadin	10mg	Uống	Viên
76	Mebendazol	500mg	Uống	Viên
77	Meloxicam	10mg/ml x 1,5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
78	Metformin hydroclorid	850mg	Uống	Viên
79	Methotrexat	50mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
80	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên
81	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
82	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên
83	Methyldopa	250mg	Uống	Viên
84	Methylergometrin maleat	0,2mg/ml x 1ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
85	Metronidazol	5mg/ml x 100ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống

<b>STT</b>	<b>Tên hoạt chất</b>	<b>Nồng độ/ Hàm lượng</b>	<b>Đường dùng</b>	<b>Đơn vị tính</b>
86	Metronidazol	250mg	Uống	Viên
87	Misoprostol	200mg	Uống	Viên
88	Nifedipin	20mg	Uống	Viên
89	Nifedipin	10mg	Uống	Viên
90	Nước cất	5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
91	Nước cất	10ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
92	Ofloxacin	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt, tai	Chai/Lọ/Ống
93	Ondansetron	2mg/ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
94	Oxytocin	5IU	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
95	Paracetamol	80mg	Uống	Gói
96	Paracetamol	150mg	Uống	Gói
97	Paracetamol	250mg	Uống	Gói
98	Paracetamol	500mg	Uống	Viên
99	Paracetamol	650mg	Uống	Viên
100	Piroxicam	20mg/ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
101	Piroxicam	20mg	Uống	Viên
102	Povidon iod	10% x 20ml	Dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi
103	Povidon iod	10% x 100ml	Dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi
104	Povidon iod	10% x 125ml	Dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi
105	Prednisolon	5mg	Uống	Viên
106	Propylthiouracil	50mg	Uống	Viên
107	Ranitidin	300mg	Uống	Viên
108	Ranitidin	150mg	Uống	Viên
109	Ribavirin	400mg	Uống	Viên
110	Risperidon	2mg	Uống	Viên
111	Salbutamol	0,5mg/ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
112	Salbutamol	2mg	Uống	Viên
113	Simvastatin	20mg	Uống	Viên

<b>STT</b>	<b>Tên hoạt chất</b>	<b>Nồng độ/ Hàm lượng</b>	<b>Đường dùng</b>	<b>Đơn vị tính</b>
114	Simvastatin	10mg	Uống	Viên
115	Spironolacton	25mg	Uống	Viên
116	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên
117	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(40mg + 8mg)/ml	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
118	Sulpirid	50mg	Uống	Viên
119	Tamoxifen	10mg	Uống	Viên
120	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên
121	Vancomycin	500mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
122	Xylometazolin	0,1% x 10ml	Nhỏ mũi	Chai/Lọ/Ống
123	Xylometazolin	0,05% x 10ml	Nhỏ mũi	Chai/Lọ/Ống

*(Tổng số: 123 mặt hàng)*

**PHỤ LỤC II.a**  
**MẪU BÁO GIÁ THUỐC GENERIC**  
*(Kèm theo văn bản số: /SYT-NVD ngày /3/2025 của Sở Y tế Hà Giang)*

CÔNG TY:

Số giấy đủ điều kiện kinh doanh dược:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Email:

Người liên hệ:....., điện thoại:....., email:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:

**BẢNG BÁO GIÁ THUỐC GENERIC NĂM 2025-2027**

Kính gửi : Sở Y tế tỉnh Hà Giang

Đơn giá: đồng

STT	Số TT theo TT 20	Số TT theo TT03/24	Số TT theo TT04/24, TT05/24	Tên hoạt chất (Ghi theo Thông tư 20)	Nồng độ/hàm lượng (ghi theo Thông tư 20)	Đường dùng	Số TT Dạng bào chế chung (theo quy định tại Phụ lục 1-TT 07/24)	Dạng bào chế chung (theo quy định tại Phụ lục 1-TT 07/24)	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật theo TT 07/24	Đơn giá (đã có VAT)	Tên thuốc	Tên hoạt chất (Ghi theo GPLHSP)	Nồng độ/hàm lượng (Ghi theo GPLHSP)	Dạng bào chế ghi trong GPLHSP /GPNK	SDK/VI SA hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Công bố giá KK/KKL của Cục QLD		Giá trúng thầu từ 03/2024 đến nay						Mã trúng thầu mua sắm tập trung Sở Y tế Hà Giang năm 2023-2025	Số TT phụ lục I công văn	
																			Giá KK/KKL	Ngày kê khai	Giá trúng thầu 1	Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/BV)	Giá trúng thầu 2	Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/BV)	Giá trúng thầu 3	Các nơi trúng thầu giá thứ 3 (SYT/BV)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
1	...	...	...	Acenocoumarol	1mg	Uống	1.1	Viên	Viên	4	...	...	Acenocoumarole	1mg	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	

....., ngày..... tháng ..... năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

- \* Ghi chú:**
- Từ viết tắt: **TT20:** Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022, **TT03:** Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/4/2024, **TT07/24:** Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024, **TT04/24:** Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024, **TT05/24:** Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ Y tế
  - **Cột 3:** Quý đơn vị rà soát, ghi số thứ tự tương ứng Phụ lục Danh mục thuốc kèm theo Thông tư 03/2024/TT-BYT
  - **Cột 4:** Quý đơn vị rà soát, ghi số thứ tự tương ứng Phụ lục Danh mục thuốc kèm theo Thông tư 04/2024/TT-BYT, Phụ lục I kèm theo Thông tư 05/2024/TT-BYT (nếu có), lưu ý ghi ký hiệu thông tư ở cuối để phân biệt, ví dụ: **15-TT04; 17-TT05**
  - **Cột 5:** Ghi đúng tên hoạt chất theo Thông tư số 20/2022/TT-BYT.
  - **Cột 6:** Ghi nồng độ hàm lượng theo Thông tư số 20/2022/TT-BYT. Lưu ý đối với thuốc có thể tích, ghi "nồng độ/hàm lượng-thể tích", kể cả thể tích 1ml, ví dụ: **4mg/ml-1ml**
  - **Cột 11:** Ghi nhóm tiêu chí kỹ thuật được cấp phép, theo Thông tư số 07/2024/TT-BYT (gồm các nhóm từ 1 đến 5; Biệt dược gốc ghi BD) đồng thời gửi kèm tài liệu thuyết minh về việc phân nhóm này.
  - **Cột 14:** Ghi đúng tên hoạt chất theo Giấy phép lưu hành sản phẩm tương ứng.Lưu ý đối với thuốc có thể tích, ghi "nồng độ/hàm lượng-thể tích", kể cả thể tích 1ml, ví dụ: 4mg/ml-1ml
  - **Cột 22-24-26:** Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất
  - **Cột 23-25-27:** Ghi không quá 03 tên **SYT/BV**, ghi rõ số Quyết định, ngày/tháng/năm trúng thầu
  - **Cột 28:** Ghi mã trúng thầu theo Quyết định số 998/QĐ-SYT ngày 22/9/2023 của Sở Y tế Hà Giang
  - **Cột 29:** Ghi số thứ tự theo phụ lục I công văn này nếu thuộc danh mục
- Font chữ: Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để đến chữ số hàng đơn vị.



**PHỤ LỤC II.b**  
**MẪU BÁO GIÁ THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ TRUYỀN**  
*(Kèm theo Công văn số: /SYT-NVD ngày /3/2025 của Sở Y tế Hà Giang)*

CÔNG TY:

Số giấy đủ điều kiện kinh doanh dược:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Email:

Người liên hệ:....., điện thoại....., email:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:

**BẢNG BÁO GIÁ THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ TRUYỀN NĂM 2025-2027**

Kính gửi : Sở Y tế tỉnh Hà Giang

Đơn giá tính: đồng

STT	Số TT theo TT 05	Thành phần thuốc (Ghi theo TT 05)	Nhóm kỹ thuật theo TT 07/2024	Đường dùng	Số TT Dạng bào chế chung (theo quy định tại Phụ lục 1 - TT 07/24)	Dạng bào chế chung (theo quy định tại Phụ lục 1 - TT 07/24)	Đơn vị tính	Tên thuốc	Dạng thành phần ghi trong GPLHSP/GPNK	Nồng độ hàm lượng ghi trong GPLHSP/GPNK	Dạng bào chế ghi trong GPLHSP/GPNK	SDK/VISA hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (đã có VAT)	Công bố giá		Giá trúng thầu từ 03/2024 đến nay					Mã trúng thầu mua sắm tập trung Sở Y tế Hà Giang năm 2023-2025	
																Giá KK/KKL	Ngày kê khai	Giá trúng thầu 1	Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/BV)	Giá trúng thầu 2	Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/BV)	Giá trúng thầu 3		Các nơi trúng thầu giá thứ 3 (SYT/BV)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1	...	Hoặc hương/ Quảng hoặc hương, Tia tó/ Từ tó điệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	2	uống	1.1	Viên	Viên	...			...	...	...	...	...	...	...	...	...		...	...		

....., ngày..... tháng ..... năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

**\* Ghi chú:**

- **Từ viết tắt:** **TT05:** Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015, **TT07/24:** Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế
  - **Cột 2:** Ghi Số thứ tự của **Thuốc (Không ghi STT trong nhóm)** theo Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BYT.
  - **Cột 4:** Ghi nhóm tiêu chí kỹ thuật được cấp phép, theo Thông tư số 07/2024/TT-BYT (gồm các nhóm từ 1 đến 4) đồng thời gửi kèm tài liệu thuyết minh về việc phân nhóm này.
  - **Cột 19-21-23:** Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất
  - **Cột 20-22-24:** Ghi không quá 03 tên SYT/BV, ghi rõ số Quyết định, ngày/tháng/năm trúng thầu
  - **Cột 25:** Ghi mã trúng thầu theo Quyết định số 999/QĐ-SYT ngày 22/9/2023 của Sở Y tế
- Font chữ: Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để đến chữ số hàng đơn vị.

**PHỤ LỤC II.c**  
**MẪU BÁO GIÁ VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN**

(Kèm theo Công văn số: /SYT-NVD ngày /3/2025 của Sở Y tế Hà Giang)

CÔNG TY:

Số giấy đủ điều kiện kinh doanh dược:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Email:

Người liên hệ:....., điện thoại.....email:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:

**BẢNG BÁO GIÁ VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2025-2027**

Kính gửi : Sở Y tế tỉnh Hà Giang

STT	Số TT theo TT 05	Tên vị thuốc	Nhóm kỹ thuật theo TT 07/24	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nguồn gốc	Số GDKLH/ Giấy phép NK (nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính (kilogram)	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT)	Giá trúng thầu từ 03/2024 đến nay					
															Giá trúng thầu 1	Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/BV)	Giá trúng thầu 2	Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/BV)	Giá trúng thầu 3	Các nơi trúng thầu giá thứ 3 (SYT/BV)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

....., ngày..... tháng ..... năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

**\* Ghi chú:**

- Từ viết tắt: **TT07/24**: Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024, **TT05**: Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015 của Bộ Y tế

- **Cột 2**: Ghi số thứ tự của thuốc (Không ghi STT nhóm), theo danh mục vị thuốc cổ truyền kèm theo Thông tư 05/2015/TT-BYT

- **Cột 4**: Ghi nhóm tiêu chí kỹ thuật theo Thông tư số 07/2024/TT-BYT đồng thời gửi kèm tài liệu thuyết minh về việc phân nhóm này.

- **Cột 9**: Ghi nguồn gốc và cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế

- **Cột 16-18-20**: Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất

- **Cột 17-19-21**: Ghi không quá 03 tên SYT/BV, ghi rõ số Quyết định, ngày/tháng/năm trúng thầu

Font chữ: Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để đến chữ số hàng đơn vị.